

**TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC**

---



**GIÁO TRÌNH**  
**MÔN HỌC: THUẾ**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**  
**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDHBOXL ngày ..... tháng ..... năm...  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hoà Bình Xuân Lộc)*

**Đồng Nai, năm 2021**

*(Lưu hành nội bộ)*

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

## LỜI GIỚI THIỆU

Thuế là môn học thuộc nhóm các môn học chuyên ngành, có vị trí quan trọng trong khoa học kinh tế quản lý nói chung và khoa học kế toán nói riêng. Thuế không chỉ là nguồn thu chủ yếu cho Ngân sách nhà nước mà còn là công cụ điều tiết vĩ mô quan trọng và hiệu quả của nền kinh tế. Thông qua chính sách thuế, Nhà nước khuyến khích đầu tư, sản xuất và tiêu dùng đối với từng mặt hàng, ngành nghề, lĩnh vực trọng điểm được ưu đãi; đồng thời hạn chế đầu tư, sản xuất đối với ngành nghề mà Nhà nước chủ trương thu hẹp trong từng giai đoạn nhất định. Có thể nói, kiến thức về thuế là cần thiết và hữu ích cho tất cả các chủ thể trong nền kinh tế và cho toàn xã hội. Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Giáo trình Thuế*** dành riêng cho người học trình độ Trung cấp.

Nội dung của giáo trình bao gồm các chương sau:

**Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu**

**Chương 2: Thuế xuất khẩu, nhập khẩu**

**Chương 3: Thuế Tiêu thụ đặc biệt**

**Chương 4: Thuế Giá trị gia tăng**

**Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân**

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

*Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021*

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên ThS. Trần Trung Hiếu

2. ThS. Phạm Hoài Diễm

3. ThS. Trần Thị Ngọc Lan

4. ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc

5. Th.S. Bùi Thị Yên

Tailieu.vn

## MỤC LỤC

|                                                            |     |
|------------------------------------------------------------|-----|
| LỜI GIỚI THIỆU .....                                       | 2   |
| MỤC LỤC.....                                               | 4   |
| GIÁO TRÌNH MÔN HỌC .....                                   | 5   |
| CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.12 |     |
| CHƯƠNG 2. THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU .....                  | 32  |
| CHƯƠNG 3. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT .....                     | 50  |
| CHƯƠNG 4: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG.....                       | 65  |
| CHƯƠNG 5. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP .....                 | 96  |
| CHƯƠNG 6. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN .....                      | 124 |

## GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

### 1. Tên môn học: Thuế

### 2. Mã môn học: MH15

### 3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

**3.1. Vị trí:** Là môn khoa học chuyên môn trong nội dung chương trình đào tạo của nghề kế toán doanh nghiệp, được bố trí giảng dạy trong học kỳ 2 của năm học thứ nhất.

**3.2. Tính chất:** Môn học Thuế là môn học bắt buộc, có tính chất hỗ trợ cho các môn học nghiệp vụ của nghề và vận dụng vào công tác thực tiễn của doanh nghiệp.

**3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học:** môn học này dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp. Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc từ năm 2021 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về thuế.

### 4. Mục tiêu của môn học:

#### 4.1. Về kiến thức:

- + A1: Trình bày được nội dung cơ bản của từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay
- + A2: Phân biệt được từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp.
- + A3: Vận dụng những nội dung chủ yếu của thuế và kết hợp với phương pháp tính thuế hợp lý cho từng trường hợp cụ thể và cho từng doanh nghiệp

**4.2. Về kỹ năng: B1:** Tính toán được số tiền phải nộp ngân sách nhà nước của từng sắc thuế liên quan theo chế độ hiện hành.

**4.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: C1:** Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Tuân thủ đúng luật thuế nhà nước ban hành.

### 5. Nội dung của môn học

#### 5.1. Chương trình khung

| Mã<br>MH/<br>MD | Tên môn học/mô<br>đơn                     | Năm | Học<br>kỳ | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian học tập (giờ) |              |                              |                     |
|-----------------|-------------------------------------------|-----|-----------|------------------|-------------------------|--------------|------------------------------|---------------------|
|                 |                                           |     |           |                  | Tổng<br><br>số          | Trong đó     |                              |                     |
|                 |                                           |     |           |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/<br>thực<br>tập | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| <b>I</b>        | <b>Các môn học<br/>chung</b>              |     |           | <b>13</b>        | <b>255</b>              | <b>106</b>   | <b>134</b>                   | <b>15</b>           |
| MH 01           | Giáo dục chính trị                        | I   | 1         | 2                | 30                      | 15           | 13                           | 2                   |
| MH 02           | Pháp luật                                 | I   | 1         | 1                | 15                      | 9            | 5                            | 1                   |
| MH 03           | Giáo dục thể chất                         | I   | 1         | 1                | 30                      | 4            | 24                           | 2                   |
| MH 04           | Giáo dục quốc<br>phòng và an ninh         | I   | 1         | 2                | 45                      | 21           | 21                           | 3                   |
| MH 05           | Tin học                                   | I   | 1         | 2                | 45                      | 15           | 29                           | 1                   |
| MH 06           | Tiếng Anh                                 | I   | 1         | 5                | 90                      | 42           | 42                           | 6                   |
| <b>II</b>       | <b>Các môn học, mô<br/>đơn chuyên môn</b> |     |           | <b>60</b>        | <b>1440</b>             | <b>405</b>   | <b>980</b>                   | <b>55</b>           |
| <b>II.1</b>     | <b>Môn học, mô đơn<br/>cơ sở</b>          |     |           | <b>15</b>        | <b>300</b>              | <b>155</b>   | <b>127</b>                   | <b>18</b>           |
| MH 07           | Quản trị văn<br>phòng                     | II  | 3         | 2                | 45                      | 25           | 17                           | 3                   |

|             |                                          |     |   |           |            |            |            |           |
|-------------|------------------------------------------|-----|---|-----------|------------|------------|------------|-----------|
| MH 08       | Soạn thảo văn bản                        | I   | 1 | 2         | 45         | 25         | 17         | 3         |
| MH 09       | Kinh tế vi mô                            | I   | 2 | 2         | 45         | 25         | 17         | 3         |
| MH 10       | Lý thuyết tài chính tiền tệ              | II  | 3 | 3         | 45         | 30         | 12         | 3         |
| MH 11       | Nguyên lý thống kê                       | I   | 1 | 2         | 45         | 20         | 23         | 2         |
| MH 12       | Nguyên lý kế toán                        | I   | 2 | 4         | 75         | 30         | 41         | 4         |
| <b>II.2</b> | <b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>        |     |   | <b>34</b> | <b>915</b> | <b>164</b> | <b>725</b> | <b>26</b> |
| MĐ 13       | Kế toán doanh nghiệp 1                   | I   | 2 | 5         | 90         | 45         | 40         | 5         |
| MĐ 14       | Kế toán doanh nghiệp 2                   | II  | 3 | 5         | 90         | 25         | 60         | 5         |
| MH 15       | Thuế                                     | I   | 1 | 2         | 45         | 20         | 23         | 2         |
| MĐ 16       | Kế toán quản trị                         | II  | 4 | 3         | 60         | 25         | 32         | 3         |
| MĐ 17       | Tin học kế toán excel                    | II  | 4 | 4         | 90         | 29         | 57         | 4         |
| MĐ 18       | Tin học kế toán phần mềm                 | II  | 4 | 3         | 60         | 20         | 37         | 3         |
| MH 19       | Thực hành lập chứng từ và ghi sổ kế toán | III | 5 | 4         | 120        | -          | 116        | 4         |



|                  |                                    |     |   |           |             |            |             |           |
|------------------|------------------------------------|-----|---|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|
| MĐ 20            | Thực tập tốt nghiệp                | III | 5 | 8         | 360         | -          | 360         | -         |
| <b>II.3</b>      | <b>Môn học, mô đun tự chọn</b>     |     |   | <b>10</b> | <b>225</b>  | <b>86</b>  | <b>128</b>  | <b>11</b> |
| MH 21            | Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh | I   | 1 | 1         | 30          | 10         | 18          | 2         |
| MH 22            | Marketing                          | II  | 3 | 2         | 45          | 20         | 23          | 2         |
| MĐ 23            | Kế toán thương mại dịch vụ         | II  | 3 | 2         | 45          | 18         | 25          | 2         |
| MĐ 24            | Kế toán hành chính sự nghiệp       | II  | 4 | 2         | 45          | 18         | 25          | 2         |
| MĐ 25            | Kế toán thuế                       | I   | 2 | 3         | 60          | 20         | 37          | 3         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                    |     |   | <b>72</b> | <b>1695</b> | <b>511</b> | <b>1114</b> | <b>70</b> |

## 6. Điều kiện thực hiện môn học:

**6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành:** Đáp ứng phòng học chuẩn

**6.2. Trang thiết bị dạy học:** Projektor, máy vi tính, bảng, phấn

**6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:** Giáo trình, mô hình học tập,...

**6.4. Các điều kiện khác:** Người học tìm hiểu thực tế về công tác xây dựng phương án khắc phục và phòng ngừa rủi ro tại doanh nghiệp.

## 7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

### 7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

## 7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

### 7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc như sau:

| Điểm đánh giá                          | Trọng số |
|----------------------------------------|----------|
| + Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1) | 40%      |
| + Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)      |          |
| + Điểm thi kết thúc môn học            | 60%      |

### 7.2.2. Phương pháp đánh giá

| Phương pháp đánh giá | Phương pháp tổ chức   | Hình thức kiểm tra                  | Chuẩn đầu ra đánh giá     | Số cột | Thời điểm kiểm tra |
|----------------------|-----------------------|-------------------------------------|---------------------------|--------|--------------------|
| Thường xuyên         | Viết/<br>Thuyết trình | Tự luận/<br>Trắc nghiệm/<br>Báo cáo | A1, A2, A3,<br>B1,<br>C1, | 1      | Sau 4 giờ.         |
| Định kỳ              | Viết/<br>Thuyết trình | Tự luận/<br>Trắc nghiệm/<br>Báo cáo | A3, B1, C1                | 3      | Sau 8 giờ          |

|                  |      |                        |                           |   |            |
|------------------|------|------------------------|---------------------------|---|------------|
| Kết thúc môn học | Viết | Tự luận và trắc nghiệm | A1, A2, A3,<br>B1,<br>C1, | 1 | Sau 45 giờ |
|------------------|------|------------------------|---------------------------|---|------------|

### 7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

## 8. Hướng dẫn thực hiện môn học

**8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:** Đối tượng Cao đẳng kế toán doanh nghiệp

### 8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

#### 8.2.1. Đối với người dạy

\* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

\* **Bài tập:** Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập theo nội dung đề ra.

\* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

\* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

**8.2.2. Đối với người học:** Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước

khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc môn học.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

#### **9. Tài liệu tham khảo:**

- Giáo trình thuế, NXB Tài chính, 2018
- Các văn bản quy phạm pháp luật về thuế hiện hành
- THUẾ & KẾ TOÁN THUẾ VIỆT NAM – LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH, NXB Tài chính, TS. Phạm Đức Cường – TS. Trần Mạnh Dũng 2016
- Các tài liệu khác liên quan tới thuế được lấy từ Internet.

# CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Sự ra đời, phát triển và tầm quan trọng của thuế đối với sự phát triển và tồn tại của các quốc gia.

## ❖ MỤC TIÊU CHƯƠNG 1

*Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:*

- **Về kiến thức:** Trình bày được khái niệm, phân loại, phương pháp nghiên cứu kinh tế học và lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu; Thực hiện được các bài tập tình huống, phân biệt chính xác kinh tế vi mô và vĩ mô;
- Nhận biết được tính tất yếu khách quan của sự ra đời và phát triển cũng như vai trò của thuế đối với nền kinh tế, từ đó thấy được tầm quan trọng của nó đối với mọi hoạt động của nền kinh tế.
- Trình bày được các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế
- Phân biệt được các sắc thuế trong nền kinh tế hiện nay
- **Về kỹ năng:** lắng nghe, thuyết trình, làm việc nhóm.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
  - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
  - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

## ❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).*
- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

## ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

### ❖ **KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1**

- **Nội dung:**
  - ✓ **Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
  - ✓ **Kỹ năng:** Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
  - ✓ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Trong quá trình học tập, người học cần:
    - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
    - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
    - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
    - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp:**
  - ✓ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)
  - ✓ **Kiểm tra định kỳ:** không có

## ❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 1

### 1. Thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế

#### 1.1 Sự ra đời và phát triển của thuế

Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã chứng minh rằng, Thuế ra đời là cần thiết khách quan gắn liền với sự ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước.

Nhà nước là một tổ chức chính trị, đại diện quyền lợi cho giai cấp thống trị, thi hành các chính sách do giai cấp thống trị đặt ra để cai trị xã hội. Nhà nước xuất hiện đòi hỏi có cơ sở vật chất nhất định để đảm bảo cho sự tồn tại và hoạt động của mình. Do đó, Nhà nước phải dùng quyền lực chính trị vốn có để tập trung một bộ phận của cải trong xã hội vào tay Nhà nước. Việc huy động, tập trung nguồn của cải đó có thể được thực hiện bằng các cách khác nhau, trong đó có hình thức đóng góp bắt buộc được là Thuế.

Thuế luôn luôn gắn chặt với sự phát triển của tổ chức bộ máy Nhà nước. Sự phát triển và thay đổi hình thái tổ chức Nhà nước luôn kéo theo sự cải biến của các hình thức thuế và hệ thống thuế nói chung. Xem xét sự phát triển của các hình thức và phương pháp thu thuế, có thể chia lịch sử hình thành và phát triển của thuế thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất-bắt đầu từ thế giới cổ đại đến đầu thế kỉ XVI được đặc trưng bởi sự hình thành các loại thuế sơ khai và Nhà nước chưa có bộ máy thu thuế hoàn chỉnh.

Thuế xuất hiện đầu tiên dưới thời La Mã cổ đại. Ban đầu đất nước này chỉ bao thành phố Rome. Chi phí quản lí đất nước còn nhỏ bé, Hội đồng thành phố làm việc không được trả công và việc cống hiến tài sản cá nhân được xem là niềm vinh dự và đem lại sự kính trọng. Chi tiêu của Chính phủ chủ yếu là chi cho việc xây đắp thành lũy, nhà ở và được trang trải bởi những khoản thu về thuê đất. Nhưng khi chiến tranh xảy ra thì người dân thành Rome bắt đầu biết đến nộp thuế, lao dịch và cống nạp để trang trải cho những nhu cầu cần thiết của đất nước.

Mô hình thuế đầu tiên khá khắc nghiệt thể hiện ở mức thu theo thuế suất định sẵn 10% đối với tất cả khoản cần nộp hoặc trưng thu. "Kinh Thánh nói rằng một phần mười các loại cây trồng được để dành phân phối lại và hỗ trợ cho nhà tu". Cùng với sự phát triển của Nhà nước, dần dần xuất hiện thuế suất "10%" đối với tất cả các khoản thu nhập đầu tiên. Từ thời Hy Lạp cổ đại khoảng thế kỉ VII-VI trước công nguyên, dân biểu đều biết đến nguyên tắc cơ bản của chính quyền tính thuế thu nhập 10% hay 20%. Điều này cho phép Chính phủ tập chung được tiền bạc, của cải vào ngân sách để phân phối cho quân đội, chi phí cho việc bảo vệ biên giới,

xây dựng nhà thờ, đường ống dẫn nước, đường xá, tổ chức các lễ hội, trợ cấp cho người nghèo và các mục đích xã hội khác.

Nguồn thu chính của ngân sách La Mã lúc đầu là thuế đất. Các loại bất động sản, vật nuôi, nô lệ...Sau này xuất hiện thêm một số loại thuế khác như thuế thu vào hoa quả. Người dân thành thị chỉ phải trả một thứ thuế duy nhất là thuế thân.

Vào thế kỉ IV-III trước công nguyên đế quốc La Mã được mở rộng bằng việc chiếm đóng thêm những thành phố khác và biến chúng thành thuộc địa của mình. Các khoản nộp thuế và cống nạp cũng phong phú hơn .

Trong một thời gian dài ở La Mã chưa có bộ máy thu thuế của Chính phủ. Việc thu thuế được giao cho một số đại diện do Chính phủ uỷ quyền. Hoạt động của họ tách khỏi sự hỗ trợ của dân chúng mà Chính phủ lại không thể kiểm soát được. Kết quả là diễn ra tình trạng mua chuộc ,đút lót,lạm dụng quyền lực. Tình trạng đó đưa đến cuộc khủng hoảng kinh tế vào thế kỉ I trước công nguyên.

Đến thời kỳ đế chế La Mã ,vua Oktavian(từ năm 63 đến năm 14 trước công nguyên)đã thành lập một tổ chức tài chính độc lập của Chính phủ nhằm thực hiện chức năng kiểm tra,giám sát thu thuế. Chính phủ quản lý chặt chẽ các khoản thu thuế bằng cách so sánh lợi thế về đất đai ở từng địa phương, lập sổ ghi chép chi tiết về việc sở hữu đất đai và thống kê tài sản của từng người dân. Sổ sách được kí gửi bởi người đứng đầu của địa phương, mỗi người dân có trách nhiệm trình cho cơ quan chức năng xem bản khai mình

Các hình thức thuế dưới thời đế chế la mã cũng phong phú hơn, bao gồm các hệ thống thuế thu và thuế gián thu. Các loại gián thu điển hình là thuế doanh thu đánh theo mức thuế xuất 1%, thuế đặc biệt tính theo doanh thu buôn bán nô lệ 4%, thuế trả tự do cho người nô lệ được tính 5% theo giá thị trường . vào năm thứ 6 sau công nguyên ,vua Oktavian August đưa ra thuế thừa kế với thuế suất là 5% đối với người La Mã.

Tuy nhiên, tổ chức tài chính của chính phủ không trực tiếp thu thuế của dân mà giao cho các lãnh địa thực hiện. chính phủ thông qua các tổ chức công khổ xem xét, đánh giá và xác định tổng số thuế phải nộp ở các địa phương, đồng thời kiểm tra về thời gian nộp thuế. Trong thời gian này, thuế thu nộp bằng tiền. Người dân bán lương thực, thực phẩm lấy tiền nộp thuế. điều này kích thích và phát triển mối quan hệ hàng hoá- tiền tệ, làm sâu sắc hơn quá trình phân công lao động xã hội và thúc đẩy tiến trình đô thị hoá.

Tuy nhiên, trong thời kỳ này nhiều hình thức thuế được ban hành lại không làm hưng thịnh về tài chính cho đế quốc la mã. ngược lại, gánh nặng thuế khoá đối với người dân là



nguyên nhân quan trọng gây ra khủng hoảng tài chính và đưa kinh tế nước lâm vào tình trạng yếu kém.

Giai đoạn thứ hai bắt đầu từ thế kỷ thứ XVI đến đầu thế kỷ thứ XIX: hình thành hệ thống thuế và các tổ chức thu thuế tương đối hoàn chỉnh.

Chính phủ hiện đại xuất hiện ở châu Âu vào khoảng thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII. Do chưa có đội ngũ quan chức thu thuế chuyên nghiệp nên Chính phủ đã sử dụng các chủ thái ấp vào công tác thu thuế. Một số quốc gia châu Âu đã sử dụng phương pháp đấu giá quyền thu thuế: số thuế được xác định và nhượng lại ngay sau khi nhận được quyền thu thuế nếu ai trả mức cao nhất trong cuộc đấu giá. Tất cả số tiền thuế thu được ngay lập tức được chuyển vào quỹ của Chính phủ. Sau đó các chủ thái ấp sẽ thực hiện trọng trách quốc gia và nhận được thu nhập cho mình. Ngân sách quốc gia lại trong tình trạng nghèo nàn và điều này lặp lại tình trạng lịch sử như thời La Mã cổ đại.

Để khắc phục tình hình đó, năm 1662 ở Pháp các văn bản pháp luật đã giới hạn phân hoa hồng trả cho chủ thái ấp. Vì thế, tổng số thu thuế vào ngân sách của Chính phủ ngày càng tăng và chi phí cho việc thu thuế ngày càng giảm. Chính việc chuyển các tổ chức thu thuế vào trong hệ thống quản lý của Chính phủ đã làm cho việc thu thuế hợp lý hơn. Vào đầu thế kỷ XVIII ở các nước phương Tây đã thiết lập bộ máy hành chính của Chính phủ để tổ chức và kiểm soát chặt chẽ việc thu thuế.

Trong khoảng thời gian này, ở các quốc gia châu Âu xuất hiện rất nhiều loại thuế nhưng không có khoản thu lớn. Nguồn thu Chính của chính phủ là thuế thân. Giới quý tộc và tăng lữ thì không phải nộp thuế này, ngược lại giai cấp tư sản và nông dân phải nộp cho Chính phủ 10-15% toàn bộ thu nhập của mình. Các quan chức và viên chức nhà nước, quân đội nếu được thăng chức cũng phải nộp một khoản thuế đặc biệt.

Trong hệ thống thuế trực thu thường bao gồm: thuế đất, thuế đối với trang thiết bị quân đội, thuế mua ngựa, thuế tuyển mộ lính (người nộp thuế này được miễn trừ khỏi nghĩa vụ quân sự). Nguồn thu chủ yếu trong hệ thống thuế gián thu là thuế quan với mức thu từ 5% đến 25%. Tuy vậy, việc ấn định mức thuế cho từng loại hàng hoá xuất nhập khẩu cũng không có cơ sở khoa học. Do đó, có những hàng hoá xuất nhập khẩu đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách, nhưng lại kìm hãm cho sự phát triển của thương mại.

Giai đoạn thứ ba bắt đầu từ thế kỷ XIX cho đến nay - đó là thời kỳ hình thành hệ thống thuế và bộ máy thu thuế hoàn chỉnh.

Trong giai đoạn này ở hầu hết các nước phát triển đã hình thành hệ thống thuế với các luật thuế và bộ máy thu thuế hoàn chỉnh. Các loại thuế đã có trước đây dần được hoàn thiện hơn, trong đó phải kể đến thuế ruộng đất ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc tạo lập nguồn thu cho Chính phủ. Năm 1860, thuế đất ở Pháp chiếm 29% tổng số thuế và 59% tổng số thuế trực thu ; ở Áo là 28% và 44%; ở Bỉ là 25% và 53% và ở Italia là 40% và 76%.

Nếu như thời kì đầu của chủ nghĩa tư bản, thuế quan rất phát triển và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng thu ngân sách, thì hiện nay vai trò của hình thức thuế này ngày càng lu mờ nhường chỗ cho các loại thuế khác. Trong thời gian đó xuất hiện nhiều hình thức thuế mới và được phát triển đến ngày nay: Thuế thu nhập cá nhân ra đời ở Anh vào năm 1942 sau đó nhiều nước công nghiệp phát triển khác cũng áp dụng thuế này (Nhật- 1887, Mỹ-1913 và Pháp-1914). Hiện nay, thuế thu nhập cá nhân là một trong những hình thức thuế giữ vai trò quan trọng bậc nhất trong hệ thống thuế của quốc gia phát triển, không phải chỉ có tổng thu nhập thuế mà cả vai trò của nó trong phân phối thu nhập. Nhiều hình thức thuế mới tiên tiến cũng được nghiên cứu và đưa vào áp dụng trong thực tiễn: thuế giá trị gia tăng ra đời ở Pháp năm 1954 và hiện nay đã lan rộng ra nhiều quốc gia đang phát triển khác và trở thành hình thức thuế gián thu phổ biến trên thế giới.

Bộ máy thu thuế ở các nước phát triển cũng ngày càng được hoàn chỉnh và hình thành đồng bộ từ trung ương đến địa phương, không chỉ bao gồm các cơ quan quản lý thu nộp thuế, mà ở nhiều quốc gia còn có cả bộ máy cảnh sát thuế, toà án thuế riêng biệt nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc xây dựng luật thuế, tổ chức thu thuế, kiểm tra thu nhập thuế và xử lý các vi phạm.

Như vậy, cùng với việc mở rộng các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước, các hình thức thuế ngày càng phong phú hơn, công tác quản lý thuế ngày càng hoàn thiện hơn và thuế đã trở thành một công cụ quan trọng, có hiệu quả của Nhà nước để tác động đến đời sống kinh tế - xã hội của nhà nước.

## **1.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế**

### **1.2.1 Khái niệm**

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.

### **1.2.2 Đặc điểm của thuế**

a, Tính bắt buộc

Tính bắt buộc là thuộc tính cơ bản vốn có của thuế để phân biệt giữa thuế với các hình thức động viên tài chính khác của ngân sách Nhà nước. Nhà kinh tế học nổi tiếng Joseph E. Stiglitz cho rằng: "Thuế khác với đa số những khoản chuyển giao tiền từ người này sang người kia: trong khi tất cả những khoản chuyển giao đó là tự nguyện thì thuế lại bắt buộc".

Đặc điểm này vạch rõ nội dung kinh tế của thuế là những quan hệ tiền tệ, được hình thành một cách khách quan và có một ý nghĩa xã hội đặc biệt - việc động viên mang tính chất bắt buộc của Nhà nước. Phân phối mang tính chất bắt buộc dưới hình thức thuế là một phương thức phân phối của Nhà nước, theo đó một bộ phận thu nhập của người nộp thuế được chuyển giao cho Nhà nước mà không kèm theo một sự cấp phát hoặc những quyền lợi nào khác cho người nộp thuế.

Tính chất bắt buộc của việc chuyển giao thu nhập bắt nguồn từ những lý do sau:

Thứ nhất: hình thức chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế không gắn với lợi ích cụ thể của người nộp thuế, do đó không thể sử dụng phương pháp tự nguyện trong việc chuyển giao. Để đảm bảo nhu cầu chi tiêu công cộng, Nhà nước tất yếu phải sử dụng quyền lực chính trị để bắt buộc mọi đối tượng có thu nhập phải chuyển giao.

Thứ hai: trong xã hội văn minh nhu cầu của các thành viên cộng đồng về hàng hoá công cộng ngày càng tăng mà phần lớn hàng hoá này lại do Nhà nước cung cấp. Để duy trì hoạt động cung cấp hàng hoá công cộng thì thu nhập về hàng hoá công cộng từ những người thụ hưởng phải đủ bù đắp các chi phí bỏ ra. Những hàng hoá công cộng lại có tính chất đặc biệt, nó không thể phân bổ theo khẩu phần để sử dụng và người thụ hưởng cũng không muốn sử dụng theo khẩu phần. Mặt khác, hàng hoá công cộng không có tính cạnh tranh và không thể đem ra trao đổi trực tiếp trên thị trường để bù đắp các chi phí. Chính vì thế trong việc cung cấp hàng hoá công cộng đã xuất hiện những “người ăn không”, nghĩa là không ai tự nguyện trả tiền cho việc thụ hưởng hàng hoá công cộng. Do đó, để đảm bảo cung cấp hàng hoá công cộng Nhà nước chỉ có thể sử dụng phương pháp thuế để buộc tất cả mọi người, kể cả “người ăn không” phải chuyển giao thu nhập của mình sang khu vực công.

Tuy nhiên, tính bắt buộc của thuế không có nội dung hình sự, nghĩa là hành động đóng thuế cho Nhà nước không phải là hành động xuất hiện khi có biểu hiện phạm pháp, mà hành động đóng thuế là hành động thực hiện nghĩa vụ của người công dân.

Từ đặc trưng này, thuế không giống như các hình thức huy động tài chính khác của ngân sách Nhà nước như chi phí, lệ phí, công trái, hoặc hình thức phạt bằng tiền. Hình thức phí, lệ phí, công trái nói chung mang tính tự nguyện và có tính chất đối giá. Còn phạt tiền cũng là hình

thức bắt buộc, song nó chỉ xảy ra khi người bị phạt có hành vi vi phạm luật lệ làm phương hại đến lợi ích Nhà nước hoặc cộng đồng.

#### b, Tính không hoàn trả trực tiếp

Tính chất không hoàn trả trực tiếp của thuế được thể hiện ở chỗ: Thuế được hoàn trả gián tiếp cho người nộp thuế thông qua các dịch vụ công cộng của Nhà nước. Sự không hoàn trả trực tiếp được thể hiện cả trước và sau khi thu thuế. Trước khi thu thuế, nhà nước không hề cung ứng trực tiếp một dịch vụ công cộng nào cho người nộp thuế. Sau khi nộp thuế Nhà nước cũng không có sự bồi hoàn trực tiếp nào cho người nộp thuế. Cũng như vậy, người nộp thuế không thể phản đối việc thực hiện nghĩa vụ thuế với lí do họ không được hoặc ít được sử dụng các dịch vụ công cộng. Người nộp thuế cũng không có quyền đòi hỏi được thừa hưởng nhiều dịch vụ công cộng hơn so với số thuế mà họ phải trả và họ cũng không thể từ chối nộp thuế với lí do họ đã phải thanh toán cho các khoản chi trái với nguyên tắc này.

Đặc điểm này giúp ta phân biệt sự khác nhau giữa thuế với các khoản phí, lệ phí và tín dụng Nhà nước.

#### c, Tính pháp lí cao

Đặc điểm này thể hiện thuế là một công cụ tài chính có tính pháp lí cao. Điều này được quyết định bởi quyền lực chính trị của Nhà nước. Nhà nước là một tổ chức chính trị, đại diện cho quyền lực của giai cấp thống trị đặt ra để cai trị xã hội. Vì vậy, để bắt buộc các công dân “tự nguyện” nộp thuế thì Nhà nước phải sử dụng đến quyền lực của mình, quyền lực ấy được thể hiện bằng luật pháp. Nhà kinh tế học Joseph E. Stiglitz nói rằng: “việc chuyển giao bắt buộc này giống như ăn trộm chỉ có một đặc điểm khác chủ yếu là: Trong khi cả hai cách chuyển đều là không tự nguyện, thì cách chuyển qua Chính phủ có mang tấm áo choàng hợp pháp và sự tôn trọng do các quá trình chính trị ban cho”.

Tuy nhiên, để sự chuyển giao bắt buộc thông qua thuế diễn gia được “êm thấm”, mặc dù quá trình đó được thực hiện dưới sự bảo vệ của luật pháp, thì những quy định của pháp luật cũng không được mang tính tùy tiện mà phải dựa trên những cơ sở khoa học nhất định. Vì vậy trong luật thuế thường xác định trước các yếu tố có tính chất điều chỉnh hành vi nộp thuế như: Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, mức thuế phải nộp, thời hạn cụ thể và các chế tài mang tính cưỡng chế khác.

### 1.3. Vai trò của thuế

#### 1.3.1 Huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước